

TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC CỦA VUA MINH MỆNH

LÊ THỊ LAN (*)

Bài viết nêu lên những cơ sở triết học mà tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh lấy làm nền tảng, phân tích các nội dung cơ bản trong tư tưởng của ông về đạo đức, làm rõ sự độc đáo của nhà vua trong việc vận dụng và phát triển tư tưởng đạo đức Nho giáo trong bối cảnh triều Nguyễn đang lên nửa đầu thế kỷ XIX.

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, Minh Mệnh được coi là người đã xây dựng một đường lối chính trị riêng của Việt Nam trên cơ sở tiếp thu, vận dụng đường lối trị nước của Nho giáo và đưa Nho giáo thành hệ tư tưởng chính thống, độc tôn của triều Nguyễn. Tư tưởng đạo đức là một bộ phận không tách rời tư tưởng chính trị, làm thành chỉnh thể đường lối chính trị đạo đức của vua Minh Mệnh, có tác động tới mọi mặt đời sống xã hội Việt Nam thời ông trị vì và ảnh hưởng lâu dài trong suốt thời đại triều Nguyễn về sau. Việc nghiên cứu làm rõ cơ sở triết học, những nội dung căn bản trong tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh sẽ góp phần làm rõ hơn lý do nhà Nguyễn đề cao đường lối đức trị cũng như tác động của đường lối trị nước Nho giáo tới sự vận động, phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội thời Nguyễn.

1. Cơ sở triết học của tư tưởng đạo đức Minh Mệnh

Mặc dù tư tưởng đạo đức của Gia Long đã đặt nền tảng cho nền đạo đức Nho giáo chính thống của triều đại và củng cố một số chuẩn mực đạo đức quan trọng nhất của nền đạo đức này, nhưng chúng nặng tính thực tiễn, chưa mang

tính hệ thống và chưa chú trọng về mặt lý luận. Phải đến Minh Mệnh, các tư tưởng đạo đức của triều Nguyễn mới phát triển một cách hệ thống, mang tính lý luận cao, trở thành hệ chuẩn mực của nền đạo đức Nho giáo triều Nguyễn.

Các quan niệm về đạo đức của Minh Mệnh bao hàm hai nghĩa, đạo đức theo nghĩa rộng có sự đồng nhất với đường lối đức trị, vương đạo, lấy đạo đức để cai trị, giáo hóa dân chúng hướng tới một xã hội đạo đức thái hòa và đạo đức theo nghĩa hẹp là những tư tưởng về luân lý, đức hạnh, thiện, ác, tốt, xấu và các giá trị đạo đức, như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín... Việc đề cao đường lối đức trị, nhân trị của Minh Mệnh xuất phát từ các nguyên lý nhận thức luận Nho giáo sâu sắc về trời, người, thiên mệnh, thiên nhân cảm ứng... Những nguyên lý này đồng thời là các quan niệm mang tính thế giới quan và nhân sinh quan Nho giáo, là nền tảng cho lý luận về luân lý, đạo đức Nho giáo cụ thể.

Minh Mệnh hiểu trời theo quan niệm của Hán Nho, coi trời là đấng tối cao quyết định mọi sự vận động trên thế

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

giới, có tính siêu nhiên chi phối mọi sự vật, hiện tượng. Đối với đời sống con người, trời chính là nguồn gốc quyết định số phận, định mệnh của mỗi cá nhân. Đối với xã hội, trời tạo nên sự thịnh suy xoay vần, đấp đổi, tạo nên số phận của một triều đại. Ý chí của trời chính là mệnh trời, là yếu tố quyết định sự vận động của xã hội và con người. Người được mệnh trời là người có đức, có thể linh hội được mệnh trời, thay trời làm chủ thiên hạ, cai trị muôn dân. Kẻ vô đức sẽ làm mất mệnh trời, khiến triều đại suy tàn và quyền thay trời trị dân, thế thiên hành đạo sẽ được trời trao cho người có đức khác. Trời trong quan niệm của Hán Nho mà Minh Mệnh tiếp thu đồng thời là một đấng tối cao có nhân cách, có thể biểu hiện sự hài lòng với nền chính sự tốt đẹp bằng các điềm lành hoặc thể hiện sự giận dữ trước nền chính trị bạo ngược, hại dân bằng các điềm gở, tai ương, địch họa để cảnh báo. Trời và người có thể tương thông, cảm ứng lẫn nhau bởi người và trời là cùng một thể, con người và xã hội tồn tại và vận động theo xu hướng làm sáng tỏ đức lớn của trời, là đức hiếu sinh. Theo đó, mọi vật, mọi người đều được trời ban cho sinh sôi, nảy nở, phát triển theo tính tự nhiên (thiên tính, là những tính do trời quy định, tính tự nhiên). Để đảm bảo cho đức lớn đó luôn được duy trì, đảm bảo sự tồn tại của xã hội được vận động theo đúng đức hiếu sinh, trời ban thiên mệnh trị vì cho kẻ có đức, là người linh hội được ý chí của trời, có năng lực đạo đức điều hành xã hội, chăm lo cho bách tính được sống theo thiên tính trời ban. Kẻ có đức được

mệnh trời sẽ làm vua trị vì muôn dân. Quân vương là bậc quân tử được mệnh trời, có trọng trách chăm sóc, cai quản, giáo hóa thần dân bách tính sinh sống an vui theo đức hiếu sinh của trời: “Trẫm nghĩ, trời đã sinh ra vua cho dân thì người làm vua phải coi dân như con, trong lòng luôn như người cha hiền từ chăm lo cho con trẻ”(1).

Từ tư tưởng triết học chủ đạo nêu trên, Minh Mệnh đã lấy nguyên tắc kính thiên làm nguyên tắc đầu tiên, làm kim chỉ nam cho việc điều hành đất nước và coi việc cai trị, giáo hóa dân chúng theo đúng thiên tính trời ban là nguyên tắc căn bản nhất cho các quan niệm luân lý của mình.

2. Những nội dung cơ bản trong tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh

Nhà vua triệt để tuân thủ quan niệm đạo đức nhân sinh Nho giáo cho rằng trong trời đất không có gì khác ngoài đạo làm người. Đạo làm người không thể ra ngoài vòng ngũ luân là năm mối quan hệ, ràng buộc lẫn nhau trong xã hội - vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bằng hữu. Đạo làm người thể hiện trong năm mối quan hệ này là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đây là năm đức lớn của mỗi người đều phải có, đều phải được giáo dục, đều phải tu dưỡng để hoàn thiện bản thân. Tuy nhiên, trong mỗi mối quan hệ lại đòi hỏi một đức lớn tiêu biểu để mỗi người lấy làm trọng tâm ứng xử cho phù hợp, như theo Tống Nho thì đức trung là trọng tâm của quan hệ vua tôi, đức trinh là trọng tâm

(1) Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Minh Mệnh ngự chế văn*. Hà Nội, 2000, tr.36.

của quan hệ vợ chồng, đức hiếu là trọng tâm của quan hệ cha con, đức lễ là trọng tâm của quan hệ anh em và đức tín là trọng tâm của quan hệ bạn bè. Minh Mệnh đã nói tóm tắt về đạo làm người, về đạo đức của con người trong ngũ luân như sau: “Đạo làm người không có gì cốt yếu bằng làm cho luân lý được trong sáng: Vua tôi có nghĩa, cha con có tình thân, vợ chồng có riêng biệt, anh em có thứ bậc, bạn bè có tin cậy; ấy là năm điều luân lý quan trọng của người ta”(2).

Tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo đức Tống Nho. Mặc dù cả năm mối quan hệ đều quan trọng, nhưng tư tưởng Tống Nho đã đề cao ba mối quan hệ quan trọng nhất trong ngũ luân là vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, gọi là tam cương. Với mỗi cương đều có những chuẩn mực đạo đức tương ứng đòi hỏi phải tuân thủ, như trong đạo vua tôi thì tôi phải tuyệt đối trung thành với vua, đạo vợ chồng đòi hỏi vợ phải tuyệt đối thủy chung, trinh tiết với chồng và đạo cha con đòi hỏi con phải tuyệt đối có hiếu với cha mẹ. Trong tam cương, Minh Mệnh coi đạo vợ chồng là giá trị đầu tiên và là giá trị nền tảng của các giá trị khác: “Đạo chồng nghĩa vợ là gốc của nhân luân, đầu nơi phong tục”(3); bởi vì, theo ông, không có chồng vợ thì không có cha con, không có cha con thì không có vua tôi. Vì vậy, nhà vua rất coi trọng việc giữ gìn trinh tiết, chung thủy của phụ nữ. Ông là người đặt ra những hình phạt nghiêm khắc để trừng phạt kẻ gian phu, dâm phụ vì “kẻ gian phu, dứa dâm phụ làm bại hoại phong

tục, nếu bắt tội nhẹ thì làm sao khích lệ liêm sỉ, chỉnh đốn phong tục được”(4). Song song với việc sử dụng hình thức trừng phạt để răn đe, trừng trị kẻ gian dâm, Minh Mệnh cũng định lệ thưởng hậu cho những phụ nữ biết bảo vệ trinh tiết và lòng chung thủy một cách xuất sắc nhằm cổ vũ, khuyến khích đức chung thủy trong xã hội, như tặng thưởng biển ngạch với những nghi lễ trọng thị để tuyên dương rộng rãi trong gia đình, dòng họ, làng xã... Những hình thức thưởng phạt này là sự nối tiếp phương pháp răn đe và khuyến khích về mặt đạo đức của vua Gia Long nhằm củng cố những giá trị đạo đức chủ đạo cần xây dựng và phổ biến trong xã hội.

Với Minh Mệnh, nếu như đạo nghĩa vợ chồng là gốc của nhân luân thì đạo hiếu lại là đầu của luân thường. Ông nói: “Ta muốn triệu dân các người chăm chỉ chính học, biết rõ luân lý; đạo Nghiêu, Thuấn chỉ có hiếu để mà thôi”(5). Coi trọng đạo hiếu nên trong hình luật, nhà vua có những điều khoản cho phép và khuyến khích con cái chia sẻ gian khổ cùng cha mẹ nếu cha mẹ mắc tội và cấm người có đại tang dự thi khoa cử hay tham gia quan trường cho đến hết kỳ chịu tang. Đồng thời, nhà vua cũng xử phạt nghiêm

(2) Minh Mệnh. Huấn điều. Theo Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, t.1. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr.221 - 222.

(3) *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994, tr.344.

(4) *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Sđđ., tr.344.

(5) Minh Mệnh, Huấn điều. Theo Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, t.1. Sđđ., tr.244.

những kẻ lạm dụng phép nước khuyến khích đạo hiếu mà làm giảm tính nghiêm minh của pháp luật(6).

Trọng nghĩa vợ chồng, đề cao đạo hiếu nhưng với Minh Mệnh, đức trung thành mới là đức tính tối cao trên mọi đức tính khác trong nhân luân: "Lại truyền cho bộ Hình truyền dụ cho các nha môn trong ngoài biết, từ nay về sau đều phải một lòng trung vì việc công, vứt bỏ tình riêng. Bọn bề tụy là một trong năm đạo thường, nhưng Thánh nhân đặt ra điều ấy là để cho những người chưa ra làm quan. Chưa ra làm quan thì chưa vướng mắc việc công, nên bề bạn được chơi với nhau bằng nghĩa, đối xử với nhau bằng tình. Còn nếu đã làm quan thì phải vì nước quên nhà, vì công quên tư. Dẫu là vợ con, người thân cho đến những việc nghĩa nên làm, người xưa cũng phân nhiều không chú ý đến. Huống hồ là bạn bè"(7).

Chúng ta thấy, xuất phát từ quan niệm về tính tự nhiên của con người và quy luật đạo đức xã hội mà Minh Mệnh đã xác định rõ ý nghĩa và vị trí của mỗi đức tính trung, hiếu, trinh trong tam cương và trong nền đạo đức xã hội. Đồng thời, Minh Mệnh cũng rất rõ ràng trong việc xác định phạm vi vận hành và tác động của các chuẩn mực đạo đức. Việc xác định rõ ràng phạm vi ứng dụng các chuẩn mực đạo đức trong gia đình, ngoài xã hội và trong triều đình là hết sức quan trọng đối với việc Minh Mệnh điều hành triều chính, xây dựng các chính sách trên phương diện đạo đức, từ đó hình thành nên đạo đức của người dân, của người làm quan.

Trong toàn xã hội, đối với toàn dân

thì hiếu dễ là nền tảng, các đức tính nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là phổ biến và mọi người đều cần tu tập để hoàn thiện bản thân. Nhưng, đối với người quân tử, người làm quan, người làm việc công, người của triều đình thì những yêu cầu đạo đức có khác biệt và có ranh giới rất rõ ràng. Người làm quan vì việc công phải lấy đức trung làm chuẩn mực cao nhất, khi thực hiện công vụ phải gác sang một bên tình cảm gia đình, bè bạn. Theo đó, chỉ có lợi ích của vua (được hiểu đồng nhất với lợi ích công) là tối cao và chỉ có các quy định pháp luật là chuẩn mực hành xử, còn những giá trị như tình bằng hữu, tình cha con, chồng vợ, thậm chí cả đến điều nghĩa cũng phải gác sang một bên, không được tính đến (vì công quên tư).

Nhưng Minh Mệnh cũng nói, người quân tử không có gì khác người có đức trung hiếu, đức trung là do đức hiếu mà ra: "Dời việc hiếu làm thành việc trung, đó là bản lãnh người sĩ quân tử cần lập thân. Nếu quên tang cha mẹ, vội vàng tiến bước trên con đường vinh hiển, không phải là hiếu. Ôi! Cầu người tôi trung hẳn tìm ở trong cửa người con hiếu. Ví dù không phải là hiếu sao có thể là trung"(8). Như vậy, nhà vua xác

(6) Nguyễn Công Tinh nhân danh đạo hiếu xin chịu tội thay cha, nếu y cho sẽ khiến thành lệ, tha kẻ có tội, phạt kẻ vô tội. Nhà vua không cho và chỉ rõ, nếu có hiếu thì đi theo cha đến nơi chịu tội để đỡ đần, hầu hạ cha, không cần tâu xin. *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Sđđ., tr.213.

(7) Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Minh Mệnh ngự chế văn*. Hà Nội, 2000, tr.107.

(8) Minh Mệnh, Huân điều. Theo Trần Văn Giàu. *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, t.1. Sđđ., tr.244.

định rất rõ ràng mỗi liên hệ gắn bó, mang tính nhân quả giữa các đức tính trung - hiếu và khảng định, chỉ người có hiếu mới có thể có trung. Bởi vì, theo tính tự nhiên, con người ta có mối quan hệ gắn bó máu thịt với cha mẹ là người có công sinh thành, nuôi dưỡng nên người. Đạo hiếu là đạo gốc để phân biệt con người với các loài khác, bởi ý thức của con cái về sự đền đáp công dưỡng dục, sinh thành của cha mẹ. Nếu ngay cả với người sinh thành ra mình mà không có hiếu, không đối xử tốt thì làm sao có thể đối tốt với người khác, làm sao có lòng trung quân.

Minh Mệnh cũng như Gia Long nhận thức rõ lòng trung thành của quan lại là chỗ dựa vững chắc cho triều đình để ổn định xã hội và củng cố vương triều; vì vậy, ông sử dụng mọi biện pháp từ giáo dục, khuyến khích (nghĩ ra lễ ôm gối vua để bày tỏ tình cảm vua tôi như cha con) đến hình luật khắc nghiệt (xiềng mả Lê Văn Duyệt) nhằm đề cao đức trung và củng cố lòng trung quân. Lời dụ nêu trên cho thấy mục đích căn bản, chính yếu của tư tưởng đạo đức Minh Mệnh là đạt tới lòng trung thành vô điều kiện của quần thần với nhà vua và triều đình. Vì mục đích ấy, nhà vua đã không ngần ngại giải thích nghĩa lý đạo đức Nho giáo theo quan điểm riêng của mình, rằng trung với việc công (việc của nhà nước, của hệ thống cai trị, của nhà vua) là trên hết, khi làm việc công thì phải gạt hết tình cảm (gốc của hiếu, đễ) và lễ nghĩa (sự đúng đắn, lễ phải phổ biến nên làm).

Việc Minh Mệnh đề cao tuyệt đối đức trung trên hết thấy mọi đức khác là có

nguyên nhân sâu xa về chính trị và xã hội. Dù đã hơn 20 năm sau khi vua Gia Long lập nên triều đại nhà Nguyễn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, song vẫn còn rất nhiều lực lượng chống đối lại nền cai trị của nhà Nguyễn. Những lực lượng nhân danh sự trung thành với nhà Lê, những lực lượng ở các vùng biên ải, xa trung tâm quyền lực của triều đình, những lực lượng mới quy phục triều đình ở những vùng đất mới... vẫn tìm mọi thời cơ nổi dậy chống lại ách cai trị của triều Nguyễn và thiết lập lại quyền lực của họ, khiến triều Nguyễn luôn phải đối phó để củng cố quyền bá chủ của mình. Nổi bật và nghiêm trọng nhất dưới triều Minh Mệnh là cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi khiến nhà vua hao tổn nhiều tâm sức, binh lính và tiền bạc trong ba năm mới dẹp yên. Chính thực tiễn đó khiến nhà vua ý thức việc xây dựng đức trung thành của quần thần với triều Nguyễn một cách hệ thống và bài bản. Không chỉ dùng lý luận Nho giáo để giáo huấn thần dân về các chuẩn mực đạo đức, để cao lòng trung thành một cách thuyết phục trên cơ sở đề cao đức hiếu, trinh, Minh Mệnh còn xây dựng cả một hệ thống các quy định pháp luật và quan chế nhằm tổ chức mọi hoạt động của bộ máy triều đình theo định hướng củng cố các quy chuẩn đạo đức Nho giáo, đặc biệt là đối với tầng lớp quan lại. Việc khoa cử, tổ chức bộ máy quan lại, ban cấp bổng lộc, thưởng phạt... đều được thực hiện nhằm mục đích xây dựng, củng cố lòng trung thành tuyệt đối của quan lại và sự lệ thuộc hoàn toàn của họ vào triều đình.

Ngoài những tư tưởng về các chuẩn mực đạo đức chung, căn bản nhất trong đạo làm người đã nêu trên, Minh Mệnh còn có nhiều tư tưởng về mối quan hệ giữa đạo đức và giáo hóa (dạy dỗ để cải biến phong tục), đạo đức và pháp luật nhằm hỗ trợ, củng cố cho nền đạo đức chính thống trong dân chúng. Theo ông, “nên làm việc giáo hóa nhân dân, sửa sang phong tục trong lúc thời bình. Nếu không dùng giáo hóa để đề phòng, sao có thể khiến dân gian gần điều thiện mà xa tội ác”(9). coi trọng giáo hóa là đặc trưng của đường lối nhân trị, đức trị của Nho giáo nhằm điều chỉnh hành vi của con người từ vô thức sang có ý thức và tự giác hành động. Minh Mệnh đã tuân thủ nguyên tắc này, phỏng theo đại ý bài “Thánh dụ quảng huấn” của nhà Thanh để đặt ra mười điều giáo hóa phong tục cho nhân dân và coi đó là các phương châm lâu dài cho công cuộc giáo hóa của triều đình. Mười điều đó là: Đôn nhân luân (đôn đốc, coi trọng tam cương ngũ thường), chính tâm thuật (làm gì cũng phải giữ tâm trung chính), vụ bản nghiệp (chăm lo nghề nghiệp gốc, nghề nông), thượng tiết kiệm (đề cao tiết kiệm), hậu phong tục (giữ phong tục tốt đẹp, thuần hậu), huấn tử đệ (dạy bảo con em, học trò), sùng chính học (tôn sùng, học theo đạo Nho), giới dâm thác (răn giữ, tránh những điều tà dâm), thận pháp thủ (cẩn trọng tuân thủ pháp luật), quảng thiện hạnh (rộng làm điều thiện).

Cùng với việc coi giáo hóa là phương pháp chính, lâu dài, căn bản để xây dựng lối sống đạo đức, thuần phong mỹ

tục cho dân chúng, Minh Mệnh cũng rất coi trọng phương pháp xây dựng đạo đức bằng pháp luật. Theo ông, pháp luật là phương pháp hữu hiệu để ngăn ngừa điều xấu, khuyến khích điều thiện: “Lễ tiết định đoạt chí hướng của dân, pháp chế ngăn ngừa sự gian tà của dân. Những việc ấy làm yếu trước để đổi đời phong hóa”(10). Như vậy, cả giáo hóa và luật pháp đều là hai phương tiện quan trọng ngang nhau trong tư tưởng Minh Mệnh về xây dựng đạo đức. Ở đây, ta thấy tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh là sự triển khai nhất quán tư tưởng chính trị và đường lối “ngoại Nho nội Pháp” của ông.

Minh Mệnh cũng đưa ra nhiều quan niệm cụ thể về luân lý, như thiện, ác, tốt, xấu... Các giá trị đạo đức mà nhà vua đưa ra đều tuân thủ các chuẩn mực đạo đức truyền thống Nho giáo, thiện ác phân biệt, tốt xấu rõ ràng. Ông nêu rõ, thiện là thiên tính của trời bẩm phú cho người, là mọi điều lành, không gây hại cho người khác, còn điều ác là ngược lại với thiện, là bất thiện; vì vậy, “làm điều thiện thì rất vui, làm điều ác là tự giết mình”(11). Tuy nhiên, với Minh Mệnh, làm điều lành, điều thiện ở đây còn có nghĩa là không làm bất cứ điều gì trái luân thường, trái phép tắc, pháp luật của triều đình. Quan niệm phân biệt rõ ràng thiện ác, tốt xấu trên lập trường Nho giáo của Minh Mệnh chính là hàng rào tư tưởng vững chắc khiến ông không chấp nhận quan niệm đạo đức của các

(9) *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Sđd., tr.228.

(10) *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Sđd., tr.258.

(11) *Minh Mệnh ngự chế văn*. Sđd., tr.353.

tôn giáo, hệ tư tưởng khác, thậm chí còn coi mọi quan niệm khác với đạo đức Nho giáo là sai trái, cần loại bỏ, như trường hợp của đạo đức Công giáo.

Mặc dù đưa ra những tư tưởng đạo đức mang tính nguyên tắc như vậy nhưng trong khuôn khổ các chuẩn mực Nho giáo, Minh Mệnh không phải là hoàn toàn cứng nhắc trong ứng xử. Ông cũng có những linh hoạt nhất định tùy từng trường hợp. Chẳng hạn, trong quan hệ giữa lễ và nghĩa thì ông thường đặt nghĩa lên trên lễ, theo điều phải hơn là theo những ràng buộc tiết lễ cứng nhắc. Ông nói: “Lễ bắt nguồn từ nghĩa. Thà không đầy đủ với thánh nhân, nhưng sao nước ta còn được mây thiêng của trời đất tông xã che chở đời đời nối tiếp nhau. Chín gian Thế miếu đã hết chỗ thờ thì nên chọn đất xây dựng miếu mới phỏng theo mà không thay thế thì còn gì đẹp hơn, còn gì tốt hơn. Nếu nghe hủ nho nệ cổ bản nhàm thì đó không phải là thần tử của bản triều”(12). Hay trong việc coi Nho giáo là đạo chính, đạo gốc của quốc gia nhưng Minh Mệnh cũng không phủ nhận vai trò của Phật giáo, thậm chí còn tìm được điểm chung của hai đạo Nho Phật: “Họ Thích dùng thân đạo để đặt ra tôn giáo, còn giáo lý của Khổng Tử là mối luân thường dùng đến hàng ngày. Song điều cốt yếu là đều dạy người làm thiện”(13).

Như vậy, hệ thống tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh bao gồm những lý luận nền tảng về tính phổ biến, chính đáng, hợp lý và trường tồn của đạo đức Nho giáo, những tư tưởng xác lập các chuẩn mực đạo đức quan trọng, căn bản nhất

của đời sống đạo đức xã hội, trong đó có phân biệt đạo đức của tầng lớp lãnh đạo và của dân chúng, và hai phương tiện xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức cần đồng thời thực thi là giáo hóa và pháp luật. Ba bộ phận này làm thành chỉnh thể tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh, trở thành một nội dung chủ đạo trong đường lối chính trị đạo đức của ông, góp phần quan trọng vào sự thành công trong xây dựng và củng cố triều đại nhà Nguyễn thế kỷ XIX.

Tóm lại, tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh là một hệ thống lý luận ứng dụng đạo đức Nho giáo trong bối cảnh triều Nguyễn đang củng cố và phát triển mạnh mẽ uy quyền của triều đại trong nửa đầu thế kỷ XIX. Mục đích chính trị thể hiện rõ ràng trong tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh cho thấy ông là vị vua có ý thức xây dựng một nền đạo đức mang tính hệ thống, là người có đầy đủ uy quyền để thực thi các tư tưởng đạo đức của mình trong thực tiễn trị nước. Tính giai cấp, tính gia trưởng trong tư tưởng đạo đức của Minh Mệnh thể hiện rõ hơn bất cứ tư tưởng đạo đức của vị vua nào khác, nhưng cũng là điểm đánh dấu sự hoàn chỉnh của hệ thống đạo đức phong kiến Việt Nam dưới thời Minh Mệnh. Trong thời trị vì của mình, Minh Mệnh đã xây dựng được một nền đạo đức Nho giáo vững chắc, góp phần củng cố sức mạnh văn hóa tinh thần của dân tộc, tạo nên giai đoạn phát triển bình ổn và vững chắc của đời sống văn hóa đạo đức trong thế kỷ XIX. □

(12) *Minh Mệnh ngự chế văn*. Sđd., tr.257.

(13) *Minh Mệnh chính yếu*, t.2. Sđd., tr.250.